

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/07/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên.

Ông Lê Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2022/QĐST-HNGĐ ngày ngày 21 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Mỹ N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 308/50 khóm B5, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG(Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số 1106/56, khóm B5, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Lâm Thị Mỹ N và ông Lê Văn S tự quen biết nhau, tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 142/2010 ngày 29/07/2010 do Ủy ban nhân dân phường BK thành phố LX, tỉnh AG chứng nhận ông S và bà N là vợ chồng. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống chung hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, những bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra, cuộc sống không hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân bà N không còn tình cảm với ông S nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng giữa bà N và ông S có một con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 21/12/2011. Hiện đang sống chung với ông S. Theo ý kiến, nguyện vọng của cháu V đồng ý sống chung với ông S, không đồng ý sống chung với bà N nên bà N đồng ý giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con do hoàn cảnh hiện nay khó khăn, sau này có điều kiện tốt về kinh tế sẽ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Giữa bà N và ông S có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết về sau. Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn S vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Lâm Thị Mỹ N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông Lê Văn S vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của đương sự tại phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn bà N có mặt tại phiên tòa. Riêng bị đơn ông S vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Mỹ N và ông Lê Văn S thông qua tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ BK vào ngày 29/07/2010, trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có

01 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh năm 2011. Tuy nhiên, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông S không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã ly thân từ 2021 đến nay. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông S.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tạo điều kiện hòa giải nhưng bà N vẫn kiên quyết xin ly hôn, riêng đối với ông S mặc dù biết bà N xin ly hôn sau khi đã được niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà N, cho thấy ông S không có quan tâm đến việc hàn gắn gia đình với bà N. Xét thấy, hiện tại mục đích của hôn nhân giữa bà N, ông S là không đạt được, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Hiện tại con chung đang sống với cha là ông Lê Văn S và ý kiến của cháu cũng mong muốn sống chung với cha sau khi cha mẹ ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N có ý kiến đồng ý giao cháu V cho ông S chăm sóc, nuôi dưỡng; ông S không có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án. Trường hợp các đương sự tranh chấp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên sẽ giải quyết trong một vụ án khác (nếu có). Xét thấy, hiện nay cháu V đang sống với ông S nên cần thiết giao cháu V cho ông S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Về cấp dưỡng: Bà N không cấp dưỡng nuôi con chung, nếu sau này có điều kiện về kinh tế sẽ cấp dưỡng nuôi con hoặc ông S có yêu cầu thì sẽ giải quyết về sau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lâm Thị Mỹ N và ông Lê Văn S có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) số 142/2010 ngày 29/07/2010 do Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố LX, tỉnh AG cấp. Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S; ông S cư trú tại phường BK, thành phố LX, tỉnh AG nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà N và ông S là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa bà Lâm Thị Mỹ N có mặt, ông Lê Văn S vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông S không đến Tòa

và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông S.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Lâm Thị Mỹ N và ông Lê Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường BK, thành phố LX theo giấy chứng nhận kết hôn số 142/2010 ngày 29/07/2010, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, bà N và ông S phát sinh mâu thuẫn, bà N xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Trong quan hệ hôn nhân và gia đình của bà N và ông S sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm, yêu thương, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn lời qua tiếng lại với nhau và đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian giải quyết bà N luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

[5] Xét, hôn nhân giữa bà N và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, thực hiện các công việc trong gia đình, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà N không còn tình cảm với ông S, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông S vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông S. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà N được ly hôn với ông S.

[6] Về quan hệ con chung: Bà Lâm Thị Mỹ N và ông Lê Văn S có một con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 21/12/2011. Hiện cháu V đang được ông S trực tiếp nuôi dưỡng tốt, có nơi ở ổn định, được học tập tại nơi cư trú, nguyện vọng của cháu V mong muốn sống chung với ông S và bà N đã đồng ý giao cháu V cho ông S nuôi dưỡng nên cần thiết giao cháu V cho ông S nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, ông Lê Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Thị Tường V. Bà N không cấp dưỡng nuôi con chung, ông S không có ý kiến nên không xét đến, nếu có tranh chấp sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà N nộp tiền án phí 300.000đ, trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0001134, ngày 01 tháng 04 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX là phù hợp theo quy định pháp luật, bà N đã nộp đủ, ông S không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 8, 9, 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; 227, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Mỹ N được ly hôn với ông Lê Văn S.

Về quan hệ con chung: Bà Lâm Thị Mỹ N và ông Lê Văn S có một con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 21/12/2011. Ông Lê Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 21/12/2011 (nữ). Bà N không cấp dưỡng nuôi con chung do ông S không yêu cầu, ông S phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Lâm Thị Mỹ N và ông Lê Văn S tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị Mỹ N nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001134 ngày 01/04/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh AG.

Bà Lâm Thị Mỹ N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông S.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Phương

